Chi tiết mã HS 5806.20.10

Mã HS	5806.20.10
Mô tả hàng hóa	Vải dệt thoi khổ hẹp, trừ các loại hàng thuộc nhóm 58.07; vải khổ hẹp gồm toàn sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs) / - Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng: / - - Băng loại dùng để quấn tay cầm hoặc cán của các dụng cụ thể thao
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	01/11/2026 22:23:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/58062010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8910
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8910
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8910
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	6,5	6,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.4	8,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	12	12%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8523
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8478
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8478
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8478
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8478
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8478
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8478
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	12	AJ!E8528
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	12	AJ!F8528
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	12	AJ!G8528
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	5	AJ!H8528

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	5	AJ!I8528
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	5	AJ!J8528
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	12	VJ!E8529
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	12	VJ!F8529
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	12	VJ!G8529
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	12	VJ!H8529
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	5	VJ!I8529
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	5	VJ!J8529
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8530
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8484
AIFTA	30/12/2022	2022	7	AI!F8490
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	6.5	AI!G8490
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	6	AI!H8490
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	6	AI!I8490
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	6	AI!J8490
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	6	AI!K8490
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8513
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8513
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8513
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8513
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8513
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8513
VCFTA	2022	2022	2	VC!D8560
VCFTA	2023	2023	1	VC!E8560
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8560
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8560

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8560
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8560
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8540
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8540
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8540
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8540
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8540
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8540
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D8553
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E8553
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F8553
AHKFTA	2025	2025	12	AKH!G8553
AHKFTA	2026	2026	12	AKH!H8553
AHKFTA	2027	2027	12	AKH!I8553
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8557
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8557
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8557
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8557
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8557
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8557
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8556
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8556
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8556
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8556
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8556
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8556

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8508
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8508
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8508
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8508
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8508
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8508
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8508
RCEP A	2022	2022	10,8	RCEPT-A!D8545
RCEP A	2023	2023	9,6	RCEPT-A!E8545
RCEP A	2024	2024	8,4	RCEPT-A!F8545
RCEP A	2025	2025	7,2	RCEPT-A!G8545
RCEP A	2026	2026	6	RCEPT-A!H8545
RCEP A	2027	2027	4,8	RCEPT-A!I8545
RCEP B	2022	2022	10,8	B!D8545
RCEP B	2023	2023	9,6	B!E8545
RCEP B	2024	2024	8,4	B!F8545
RCEP B	2025	2025	7,2	B!G8545
RCEP B	2026	2026	6	B!H8545
RCEP B	2027	2027	4,8	B!I8545
RCEP C	2022	2022	10,8	C!D8545
RCEP C	2023	2023	9,6	C!E8545
RCEP C	2024	2024	8,4	C!F8545
RCEP C	2025	2025	7,2	C!G8545
RCEP C	2026	2026	6	C!H8545
RCEP C	2027	2027	4,8	C!I8545
RCEP D	2022	2022	10,9	D!D8544

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	9,8	D!E8544
RCEP D	2024	2024	8,7	D!F8544
RCEP D	2025	2025	7,6	D!G8544
RCEP D	2026	2026	6,5	D!H8544
RCEP D	2027	2027	5,5	D!I8544
RCEP E	2022	2022	10,8	E!D8548
RCEP E	2023	2023	9,6	E!E8548
RCEP E	2024	2024	8,4	E!F8548
RCEP E	2025	2025	7,2	E!G8548
RCEP E	2026	2026	6	E!H8548
RCEP E	2027	2027	4,8	E!I8548
RCEP F	2022	2022	10,8	F!D8545
RCEP F	2023	2023	9,6	F!E8545
RCEP F	2024	2024	8,4	F!F8545
RCEP F	2025	2025	7,2	F!G8545
RCEP F	2026	2026	6	F!H8545
RCEP F	2027	2027	4,8	F!I8545
VIFTA	2024	2024	10.8	VI!F7893
VIFTA	2025	2025	9.6	VI!G7893
VIFTA	2026	2026	8.4	VI!H7893
VIFTA	2027	2027	7.2	VI!I7893

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 12%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (12%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 12%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5806.20 có 2 dòng thuế; dòng 5806.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Băng loại dùng để quấn tay cầm hoặc cán của các dụng cụ thể thao.	5806.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5806.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 5806.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8910), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.